

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2020/DS-PT
Ngày: 27-11-2020
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 25-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2020/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồng Thị Thanh Đ, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 10, Hẻm A, Đường Đ, khu phố N, phường N2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Đ: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1987; cư trú tại: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh- Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25-11-2020); có mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Kiều N, sinh năm 1989; cư trú tại: ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị N: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985; cư trú tại: ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11-6-2020); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồng Thị Thanh Đ trình bày:

Ngày 24-5-2017, chị có nhận chuyển nhượng từ chị Lê Thị Kiều N quyền sử dụng đất có diện tích 555,7 m², thửa số 195, tờ bản đồ số 17; tọa lạc tại ấp Ninh Bình, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ). Đến năm 2018, chị chuyển nhượng lại phần đất này cho anh Hồ Tấn Phong và chị Nguyễn Thị Bích Thủy. Quá trình làm thủ tục sang tên cho anh Phong, chị Thủy thì chị được biết phần đất này đang bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện D (viết tắt CCTHADS huyện D) kê biên, vì chị N còn phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án với số tiền 106.301.525 đồng (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng). Do đó, để thực hiện được thủ tục sang tên cho anh Phong, chị Thủy nên ngày 11-9-2018 chị mới nộp thay chị N số tiền trên để giải tỏa kê biên đối với phần đất nêu trên.

Ngoài ra, sau khi đứng tên quyền sử dụng đất, nhận thấy diện tích đất thổ cư ít nên chị mới giao chị N số tiền 20.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất tăng thêm diện tích đất thổ cư từ 100 m² lên 205m² trong tổng diện tích 555,7m² nêu trên. Việc chị giao tiền cho chị N không có giấy tờ gì thể hiện vì nghĩ chỗ bạn bè, chị N lại có nhiều mối quan hệ nên làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sẽ nhanh hơn.

Tuy nhiên, theo Bản án số 31/2019/DS-ST ngày 05-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện D, giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị N với chị, anh Phong, chị Thủy thì phần đất này thuộc quyền sử dụng của chị N. Do đó, chị khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Kiều N trả số tiền 126.301.525 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng), trong đó tiền nộp thay nghĩa vụ thi hành án là 106.301.525 đồng, tiền chuyển mục đích sử dụng đất là 20.000.000 đồng. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Lê Thị Kiều N là Anh Nguyễn Hoàng L trình bày: Do chỗ bạn bè với nhau nên chị N có vay chị Đ số tiền 400.000.000 đồng và lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như chị Đ trình bày nêu trên để làm tin. Sau đó, giữa chị N và chị Đ xảy ra tranh chấp, nguyên nhân do chị Đ tự ý chuyển nhượng phần đất nêu trên cho anh Phong, chị Thủy. Đồng thời, trước đó chị N còn phải có nghĩa vụ thi hành số tiền 106.301.525 đồng cho bà Trương Thị Gái nên CCTHADS Huyện D đã tiến hành kê biên phần đất nêu trên. Tại buổi làm việc ngày 11-9-2018 của CCTHADS Huyện D, chị N có ý kiến là sẽ khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị N với chị Đ và không đồng ý

việc chị Đ nộp thay số tiền nêu trên. Tuy nhiên, chị Đ đã tự nguyện nộp tiền và cam kết sẽ không khiếu nại gì về sau.

Đối với số tiền chuyển mục đích sử dụng tăng diện tích đất thổ cư, anh xác định cuối năm 2017 chị N trực tiếp liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục này với chi phí 20.000.000 đồng, tiền là của chị N, vì ngay từ đầu việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị N và chị Đ là để làm tin cho khoản vay 400.000.000 đồng nêu trên. Việc chị Đ trình bày có giao cho chị N số tiền 20.000.000 đồng để thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất là không đúng sự thật. Bởi lẽ, chị Đ hoàn toàn không biết có việc tăng diện tích đất thổ cư từ 100m² lên 205m²; đến khi giải quyết vụ kiện giữa chị N với chị Đ về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, anh có trình bày vấn đề này từ đó chị Đ mới biết sự việc.

Do đó, nay chị N không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồng Thị Thanh Đ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 25-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện D đã tuyên xử :

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hồng Thị Thanh Đ đối với chị Lê Thị Kiều N.

Buộc chị Lê Thị Kiều N có nghĩa vụ trả cho chị Hồng Thị Thanh Đ 106.301.525 đồng (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) tiền nộp thay nghĩa vụ thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Đ đối với chị N về việc trả 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền chuyển mục đích sử dụng đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09-10-2020, bà Lê Thị Kiều N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Kiều N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 25-9-2020 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Kiều N là bị đơn vắng mặt nhưng người đại diện hợp pháp (Anh Nguyễn Hoàng L) có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của chị Lê Thị Kiều N: Tại Biên lai thu tiền thi hành án số 0005481 ngày 11-9-2018 của CCTHADS Huyện D thể hiện chị Đ nộp thay chị N số tiền 106.301.525 đồng để trả cho bà Trương Thị Gái. Căn cứ biên bản về việc giải quyết thi hành án, đơn của chị Đ gửi CCTHADS Huyện D cùng ngày 11-9-2018 thể hiện việc chị Đ nộp thay số tiền nêu trên là tự nguyện, không được sự đồng ý của chị N. Tuy nhiên, xét về các tình tiết khách quan của vụ án cụ thể là công văn số 260/CCTHADS ngày 07-8-2020 của Cơ quan Thi hành án, người đại diện theo ủy quyền của chị N thừa nhận số tiền chị Đ đã nộp nêu trên là nghĩa vụ của chị N phải thi hành cho bà Gái. Đồng thời, tại thời điểm nộp số tiền trên chị Đ đã được đứng tên GCNQSDĐ và đang trong giai đoạn chuyển nhượng cho anh Phong, chị Thủy thì xảy ra tranh chấp với chị N. Sự việc này được giải quyết bằng bản án số 31/2019/DS-ST ngày 05-11-2019 của Tòa án nhân dân Huyện D đã có hiệu lực pháp luật ngày 27-5-2020; theo đó chị N được quyền sử dụng phần đất mà chị Đ được đứng tên GCNQSDĐ theo hợp đồng chuyển nhượng với chị N. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù việc chị Đ nộp thay nghĩa vụ thi hành án là tự nguyện, không được chị N đồng ý nhưng về thực tế chị N là người được lợi về tài sản cụ thể là số tiền đáng lẽ ra chị N có nghĩa vụ thi hành theo Quyết định của CCTHADS Huyện D. Do đó, chị Đ yêu cầu chị N trả lại số tiền 106.301.525 đồng là có cơ sở.

[3] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị N, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Lê Thị Kiều N kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Kiều N.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020//DS-ST ngày 25-9-2020 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.
3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hồng Thị Thanh Đ đối với chị Lê Thị Kiều N về “Tranh chấp đòi lại tài sản”.
4. Buộc chị Lê Thị Kiều N có nghĩa vụ trả cho chị Hồng Thị Thanh Đ số tiền 106.301.525 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) tiền nộp thay nghĩa vụ thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Không chấp nhận yêu cầu của chị Hồng Thị Thanh Đ đối với chị Lê Thị Kiều N về việc trả lại số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền chuyển mục đích sử dụng đất.

6. Về án phí :

6.1 Án sơ thẩm:

Chị Lê Thị Kiều N phải chịu 5.315.000 đồng (năm triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng).

Chị Hồng Thị Thanh Đ chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đối với yêu cầu không được chấp nhận, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền 3.158.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004543 ngày 22-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D; chị Đ được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 2.158.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

6.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005120 ngày 09-10-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện D. Ghi nhận đã nộp xong.

7. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND H. Dương Minh Châu;
- CCTHADS H. Dương Minh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Vân